

Số: 42/CTK-TH

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Tháng 02 năm 2019

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 2/2019

Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây vụ Đông 2018

(So với cùng kỳ năm 2018)



Diện tích: 4.434 ha ▲ 14,59%

Năng suất: 30,06 tạ/ha ▲ 8,6%

Sản lượng: 13.320 tấn ▲ 24,45%



Diện tích: 30 ha ▼ 29,09%

Năng suất: 16,8 tạ/ha ▼ 1,07%

Sản lượng: 511 tấn ▼ 29,85%



Diện tích: 1.723 ha ▲ 10,14%

Năng suất: 56,25 tạ/ha ▼ 1,24%

Sản lượng: 9.692 tấn ▲ 8,78%



Diện tích: 4.565 ha ▲ 21,49%

Năng suất: 56,52 tạ/ha ▲ 3,0%

Sản lượng: 25.810 tấn ▲ 25,17%

Tình hình chăn nuôi

(So với cùng kỳ năm 2018)



Trâu



Bò



Lợn



Già cần

70.507 con

▼ 7,54% - 5.753 con

188.220 con

▼ 6,98% - 14.120 con

412.573 con

▼ 4,24% - 18.269 con

7.960 nghìn con

▼ 1,50% - 124 nghìn con

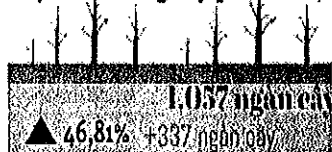
Lâm nghiệp

(So với cùng kỳ năm 2018)

Diện tích trồng rừng tập trung



Diện tích trồng cây phân tán (ha)



Sản lượng gỗ khai thác

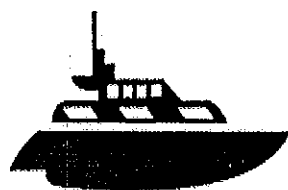
9.510 m³



Thủy sản

(So với cùng kỳ năm 2018)

Sản lượng khai thác



1.928 tấn

▲ 9,17% +162 tấn



Sản lượng nuôi trồng



884 tấn

▲ 5,24% +44 tấn

1.1. Nông nghiệp

- *Trồng trọt*: Sản xuất trồng trọt trong tháng 02/2019 bên cạnh việc tiếp tục thu hoạch một số cây vụ Đông thì chủ yếu tập trung gieo cấy, chăm sóc cây vụ Xuân 2019.

+ Tình hình thu hoạch vụ Đông 2018: Với điều kiện thời tiết thuận lợi nên nhìn chung kết quả sản xuất một số cây trồng chủ lực vụ Đông 2018 đạt khá so với cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh ước đạt 13.212 ha, bằng 102,29%, tăng 296 ha so với năm trước. Kết quả cụ thể một số cây trồng chủ lực vụ Đông 2018 như đã phản ánh ở phần trên.

+ Tình hình sản xuất vụ Xuân 2019: Với các giải pháp trong sản xuất vụ Xuân 2019 như: Cung cấp giống và phân bón có chất lượng và giá cả hợp lý; tập trung điều tiết nước đảm bảo phục vụ cây bừa và xuống giống đúng lịch thời vụ; theo dõi diễn biến tình hình thời tiết và sâu bệnh để có biện pháp xử lý kịp

thời...cùng với điều kiện thời tiết thuận lợi là những yếu tố tích cực để sản xuất vụ Xuân 2019. Tính đến ngày 15/02/2019, toàn tỉnh đã gieo cấy được 58.947 ha lúa, bằng 100,36% so với cùng kỳ năm trước và đạt 100,16% kế hoạch. Trong đó: Diện tích lúa cấy là 15.863 ha (chiếm 26,91% tổng diện tích gieo cấy) và diện tích lúa gieo thẳng là 43.084 ha (chiếm 73,09% tổng diện tích gieo cấy). Cùng với việc gieo cấy lúa thì tiến độ gieo tría một số loại cây trồng khác đạt được như sau: Cây ngô ước đạt 2.655 ha, bằng 68,4% kế hoạch; cây khoai lang ước đạt 330 ha, bằng 20,1% kế hoạch; cây lạc ước đạt 6.599 ha, bằng 48,4% kế hoạch và rau các loại ước đạt 2.430 ha, bằng 50,5% kế hoạch. Hiện nay các trà lúa đang giai đoạn đẻ nhánh, sinh trưởng và phát triển tốt. Tranh thủ thời tiết thuận lợi, sau Tết Nguyên đán các địa phương cũng đang tích cực gieo trồng các loại cây hoa màu vụ Xuân đảm bảo lịch thời vụ.

+ Dự báo tình hình sâu bệnh, thiệt hại: Thời tiết đang bước vào tiết Lập Xuân - Vũ Thủy là điều kiện thuận lợi cho các đối tượng dịch bệnh phát sinh gây hại đối với cây trồng. Hiện nay trên cây lúa một số đối tượng sâu bệnh cũng đã phát sinh gây hại như: Chuột gây hại tỷ lệ trung bình 5-7%, nơi cao 10-15%, cục bộ 30-50%. Hiện có khoảng 52 ha lúa vụ Xuân đang bị chuột phá hại nặng, tập trung ở Can Lộc, Đức Thọ, Hồng Lĩnh...Tuyến trùng rễ gây hại với tỷ lệ trung bình 3-5%, nơi cao 7-10%, diện tích 2 ha, tập trung ở vùng bãi ngang huyện Thạch Hà. Rệp xanh phát sinh gây hại ở Đức Thọ, tỷ lệ 3-7%, nơi cao 10-15%, diện tích nhiễm bệnh 3 ha. Ốc bươu vàng với mật độ trung bình 3-5 con/m², nơi cao 7-10 con/m², cục bộ 25-30con/m², diện tích bị gây hại là 67 ha phân bố ở Nghi Xuân, Đức Thọ, Thạch Hà. Trên cây rau thì nhóm sâu ăn lá (sâu xanh, sâu tơ) với mật độ trung bình 5-7con/m², nơi cao 10-12 con/m², diện tích bị gây hại là 8 ha tập trung ở Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh. Bọ nhảy, bọ trĩ gây hại với mật độ trung bình 1-3con/m², nơi cao 5-7con/m², với diện tích 4 ha tập trung ở Thạch Hà, Thành phố Hà Tĩnh,...Bệnh héo vàng khoai tây với tỷ lệ trung bình 5-10%, nơi cao 15-25%, diện tích 7 ha tập trung ở Cẩm Xuyên. Để hạn chế thiệt hại do sâu bệnh gây ra, cùng với việc diệt trừ các loại sâu bệnh đã phát sinh gây hại thì bà con nông dân cần phải thường xuyên thăm đồng, theo dõi, phòng trừ các đối tượng gây hại trên lúa như: Bệnh đạo ôn, ruồi đục nõn, bệnh lùn sọc đen phương Nam. Trên cây lạc cần theo dõi chặt chẽ diễn biến bệnh héo rũ gốc mốc đen, gốc mốc trắng, lở cổ rễ và nhóm sâu ăn lá, nấm trên cây rau...

- *Chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi trong tháng 02/2019 đã ổn định trở lại sau khi dịch lở mồm long móng trên đàn gia súc đã được kiểm soát, khống chế và dập tắt. Mặc dù dịch xảy ra giáp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi, nhưng do khống chế được dịch bệnh, không để lây lan nên sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn vẫn đáp ứng đảm bảo nhu cầu tiêu thụ thực phẩm tăng cao trong dịp Tết. Cũng do

việc xuất bán phục vụ thực phẩm dịp Tết nên đã làm cho số lượng đàn vật nuôi giảm.

Tình hình dịch bệnh, thiệt hại: Tháng 01/2019, dịch lở mồm long móng đã xảy ra trên địa bàn Hà Tĩnh nhưng đến nay dịch đã được dập tắt, cơ quan chức năng đã công bố hết dịch. Còn trong tháng 02/2019 các loại dịch bệnh khác không xảy ra đối với đàn vật nuôi.

1.2. Lâm nghiệp

Hoạt động trồng rừng và trồng cây phân tán luôn được các cấp chính quyền cũng như người dân quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, do hiện nay rừng sản xuất chưa đến kỳ thu hoạch nên kết quả trồng rừng tập trung cũng như sản lượng lâm sản khai thác giảm so với cùng kỳ năm trước. Còn kết quả trồng cây phân tán tháng 02/2019 tăng so với tháng trước cũng như cùng kỳ năm trước là do trong tháng trùng vào dịp Tết trồng cây Xuân Kỷ Hợi nên các địa phương, cơ quan, đơn vị đã trồng cây, chỉnh trang đô thị làm cho môi trường xanh, sạch, đẹp. Bên cạnh hoạt động sản xuất lâm nghiệp thì trong tháng cũng đã không xảy ra thiệt hại về rừng.

1.3. Thủy sản

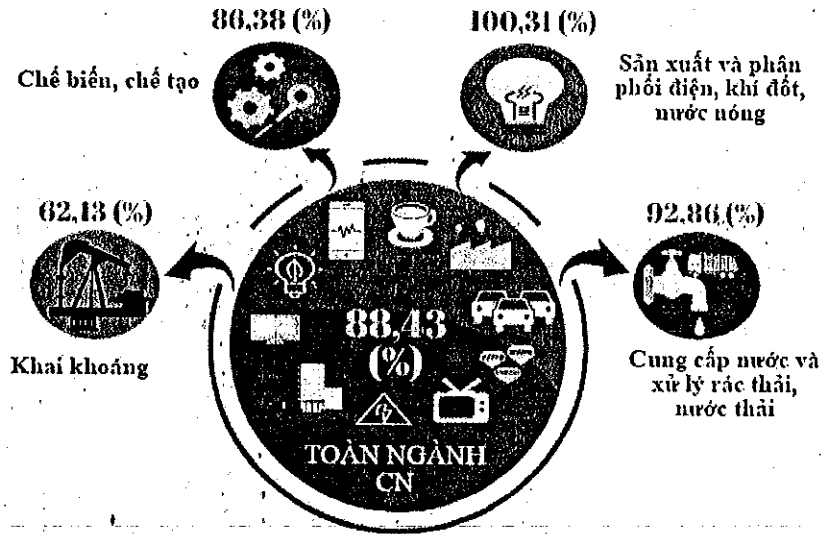
Mặc dù chưa có sự tăng trưởng đột phá nhưng trong những tháng đầu năm 2019 hoạt động sản xuất thủy sản vẫn ổn định và tiếp tục có bước phát triển hơn so với cùng kỳ năm trước. Với những chuyển biến đầu năm của ngư dân ra khơi khá thuận lợi và được mùa, cùng với việc các hộ nuôi trồng thu hoạch sản phẩm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi là nguyên nhân làm cho sản lượng thủy hải sản tháng 02/2019 tăng so với cùng kỳ.

Năm 2019, nuôi tôm vẫn tiếp tục được xem là hoạt động tạo ra sản phẩm thủy sản chủ lực và có lợi thế của tỉnh. Vì vậy, đã xây dựng kế hoạch với tổng diện tích thả nuôi toàn tỉnh là 2.750 ha (tăng 49 ha so với năm 2018), trong đó: Nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao là 920 ha; bán thâm canh là 450 ha; quảng canh, quảng canh cải tiến 1.380 ha. Với sản lượng tôm toàn tỉnh năm 2019 phấn đấu đạt 4.800 tấn. Hiện nay tranh thủ tiết trời nắng ấm, người nuôi tôm ở Hà Tĩnh đang khẩn trương cải tạo ao đầm, chuẩn bị xuống giống cho vụ tôm nuôi đầu tiên trong năm 2019. Theo khung lịch thời vụ, tôm sẽ được xuống giống thả nuôi vào cuối tháng 2/2019. Để cung cấp nguồn giống chất lượng cao cho người dân nuôi tôm trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Sản xuất tôm giống Thông Thuận ở xã Cương Gián (Nghị Xuân) vừa mới nhập khẩu hơn 400 cặp tôm bố mẹ từ Mỹ về cho sinh sản. Đồng thời đầu tư máy nâng nhiệt của Nhật về đảm bảo điều kiện cho con tôm phát triển tốt nhất. Hiện tại, đơn vị đã sản xuất được 40 triệu con tôm giống khỏe mạnh, được kiểm dịch đầy đủ để cung cấp ra thị trường.

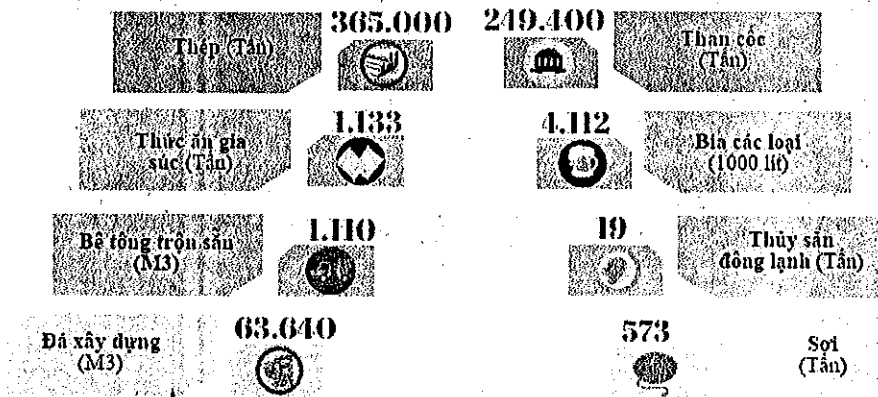
Trong tháng không phát sinh dịch bệnh trên thủy sản nuôi trồng.

2. Sản xuất công nghiệp và vốn đầu tư

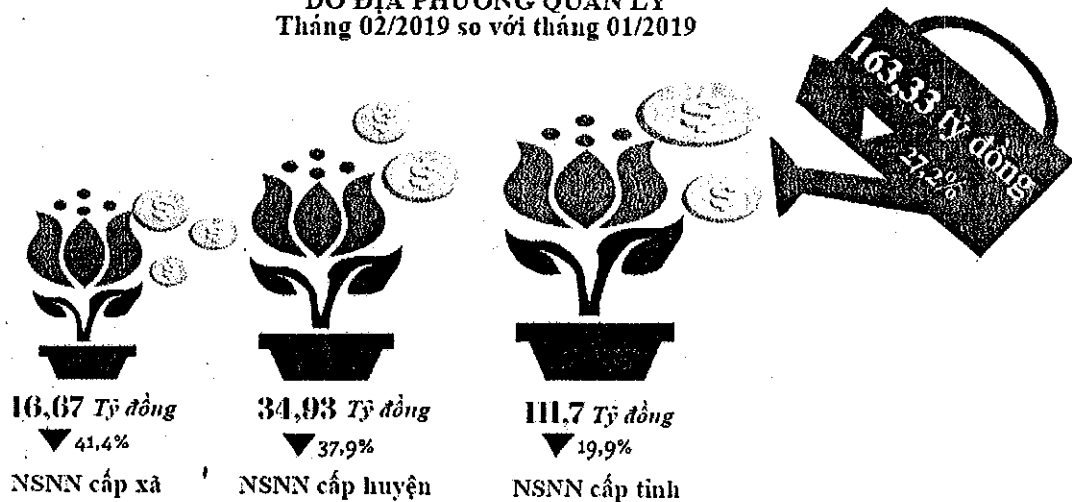
CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP Tháng 02/2019 so với tháng 01/2019



SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU Tháng 02/2019



VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN THUỘC NGUỒN VỐN NSNN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ Tháng 02/2019 so với tháng 01/2019



- *Hoạt động sản xuất công nghiệp*: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 02/2019 ước tính giảm 11,57% so với tháng trước, nhưng vẫn tăng 51,93% so với cùng kỳ năm trước. Việc chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02/2019 giảm so với tháng trước là do ảnh hưởng bởi yếu tố khách quan khi trong tháng có trùng vào thời gian nghỉ Tết Nguyên đán dài ngày đã ảnh hưởng đến sản xuất. Còn nhìn chung thì hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn những tháng đầu năm vẫn đang duy trì được mức tăng khá. Tính chung 2 tháng đầu năm 2019, chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp vẫn đạt mức tăng 46,2% so với cùng kỳ năm trước, với mức tăng khá ở cả 4 ngành công nghiệp cấp I (khai khoáng tăng 30,89%; chế biến, chế tạo tăng 57,24%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,14%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 51,54%). Trong đó một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất 2 tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất kim loại (chủ yếu sản xuất thép từ Dự án Fomosa) tăng 69,6%; sản xuất than cốc tăng 75,52%; khai thác đá, cát, sỏi tăng 61,42%; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản tăng 63,68%; sản xuất sợi tăng 39,1%; may trang phục tăng 42,76%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 82,1%... Bên cạnh đó, cũng có một số ngành giảm mạnh như: Khai thác quặng kim loại giảm 70,33%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 40,04%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 36,58%...

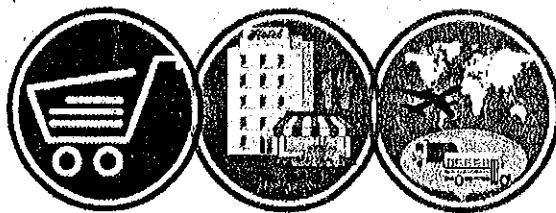
Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 02/2019 giảm 0,5% so với tháng trước và giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2019 giảm 0,2% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn biến động nhẹ theo xu hướng giảm lao động ở khu vực doanh nghiệp Nhà nước và ngoài Nhà nước, nhưng tăng ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là xu hướng tất yếu khi mà trên địa bàn các dự án FDI đang được triển khai đầu tư và đi vào sản xuất.

- *Vốn đầu tư*: Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 02/2019 ước tính giảm mạnh so với tháng trước là do những tháng đầu năm, các đơn vị đang tập trung hoàn thành các hồ sơ thủ tục về vốn và kỹ thuật để triển khai thực hiện tiếp các công trình chuyển tiếp cũng như khởi công mới các công trình trong năm 2019, những công trình mới thuộc kế hoạch năm 2019 chủ yếu mới thi công phần mặt bằng; đồng thời, là tháng trùng vào dịp Tết Nguyên đán, thời gian nghỉ lễ dài nên các công trình tạm ngừng thi công, giá trị vốn đạt thấp.

4. Thương mại, dịch vụ và giá cả

THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÁNG 02 NĂM 2019

(So với tháng 01 năm 2019)



TỔNG MỨC BÁN LẺ	3.448,7 tỷ đồng ▼ 2,76%
DỊCH VỤ LƯU TRỮ	26,76 tỷ đồng ▲ 0,71%
DỊCH VỤ ĂN UỐNG	381,69 tỷ đồng ▲ 2,18%
DỊCH VỤ DU LỊCH LỮ HÀNH	2,04 tỷ đồng ▲ 1,49%
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHÁC	119,44 tỷ đồng ▲ 3,02%
HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI, KHO BÃI	444,75 tỷ đồng ▼ 6,21%

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

- *Tổng mức bán lẻ hàng hóa:* Hoạt động bán lẻ hàng hóa có mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước, với mức tăng 19,33%. Nhìn chung, do trùng vào dịp Tết Kỳ Hợi nên sức mua của thị trường trong tháng 02/2019 tăng mạnh, trong khi giá cả vẫn ổn định. Nhằm đảm bảo cung cầu hàng hóa và bình ổn giá cả thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Kỳ Hợi. Ngay từ đầu năm 2019, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp bình ổn giá; chỉ đạo các đơn vị tổ chức hơn 30 chuyên hàng lưu động về các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa với giá cả hợp lý; các doanh nghiệp trên địa bàn có hệ thống phân phối lớn (đại lý cấp I) và hệ thống bán lẻ phục vụ người tiêu dùng đã thực hiện dự trữ hàng hóa trên 100 tỷ đồng; với nhiều hàng hóa đa dạng về mẫu mã, đảm bảo chất lượng và nhu cầu của người dân. Bên cạnh đó, là tháng trùng vào ngày lễ vía thần tài (10/01 Âm lịch), nên nhu cầu mua vàng tích lũy của người dân trong dịp này tăng cao khiến doanh thu mặt hàng này tăng cao.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 6.995,11 tỷ đồng, tăng 19,36% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 327,35 tỷ đồng, tăng 6,8%; ngoài Nhà nước ước đạt 6.667,72 tỷ đồng, tăng 20,13% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 0,04 tỷ đồng. Một số mặt hàng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Ô tô tăng 89,46%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 82,84%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 37,53%...

- *Hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành*: Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành tháng 02/2019 tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước và tăng đều ở cả ba ngành dịch vụ. Trong đó tăng mạnh nhất là ngành du lịch lữ hành, do ngay từ những tháng cuối năm 2018, nhiều công ty du lịch đã triển khai các chương trình tour du lịch trong và ngoài nước đón Tết Nguyên đán Kỷ Hợi; cùng với xu hướng đi du lịch trong dịp tết của người dân ngày càng tăng, do đó lượng khách đăng ký các tour du lịch tăng hơn so với tháng trước. Dự kiến sang tháng 3/2019, hoạt động lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành sẽ tăng cao hơn tháng trước; do nhu cầu du lịch lễ hội, đền chùa tăng.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2019, doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành ước đạt 812,59 tỷ đồng, tăng 18,07% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế nhà ước đạt 12,42 tỷ đồng, tăng 4,94%; ngoài Nhà nước ước đạt 798 tỷ đồng, tăng 17,46% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,17 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước.

- *Hoạt động dịch vụ khác*: Doanh thu dịch vụ khác tháng 02/2019 có tăng, nhưng chỉ tăng nhẹ so với tháng trước. Do nhu cầu đi lễ, tham quan văn cảnh đầu Xuân của người dân tăng đã tác động làm tăng doanh thu các hoạt động dịch vụ. Trong các thành phần kinh tế, khu vực kinh tế cá thể và khu vực kinh tế tư nhân có doanh thu tăng so với tháng trước, lần lượt với mức tăng 3,82% và 0,71%.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2019, doanh thu hoạt động dịch vụ khác ước đạt 235,38 tỷ đồng, tăng 5,62% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế nhà ước đạt 12,89 tỷ đồng, giảm 5,71%; ngoài Nhà nước ước đạt 220,88 tỷ đồng, tăng 6,15% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1,61 tỷ đồng, tăng 44,58% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động dịch vụ khác 2 tháng đầu năm 2019 chủ yếu tăng ở nhóm ngành dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí (tăng 14,87%); sửa chữa đồ dùng cá nhân, gia đình (tăng 8,94%) và dịch vụ khác (tăng 6,21%). Dự kiến sang tháng 3/2019 một số nhóm ngành dịch vụ hoạt động trở lại nhưng nhu cầu sử dụng các dịch vụ không nhiều. Đặc biệt nhóm dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình sẽ giảm mạnh.

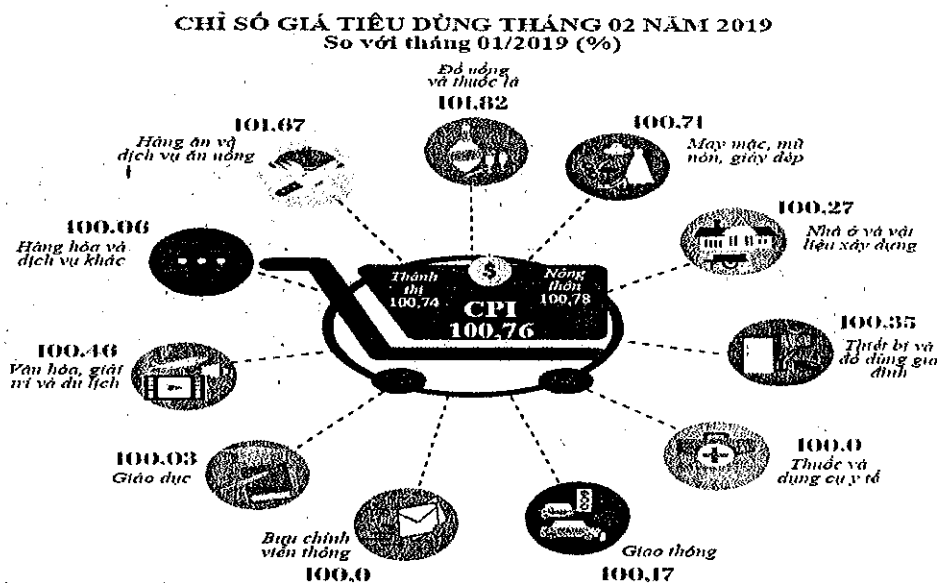
4.2. Hoạt động vận tải

- *Vận tải hàng hóa*: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 02/2019 ước đạt 2,83 triệu tấn với khối lượng luân chuyển là 67,77 triệu tấn.km hàng hóa. So với tháng trước giảm 17,5% về khối lượng vận chuyển và giảm 27,41% về khối lượng luân chuyển. Doanh thu hoạt động vận tải hàng hóa tháng 02/2019 ước đạt 229,13 tỷ đồng, giảm 13,22% so với tháng trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 6,26 triệu tấn với khối lượng luân chuyển là 161,14 triệu tấn.km hàng hóa, so với cùng kỳ năm trước tăng 12,07% về khối lượng vận

chuyển và tăng 17,69% về khối lượng luân chuyển; doanh thu hoạt động vận tải hàng hóa 02 tháng ước đạt 493,17 tỷ đồng, tăng 9,14% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa tháng 02/2019 giảm so với tháng trước. Mặc dù nhu cầu vận tải các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ dùng gia đình thời điểm cận Tết tăng cao nhưng do các phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa vật liệu xây dựng nghỉ Tết sớm, trong khi thời gian nghỉ sau Tết kéo dài dẫn đến kết quả vận tải hàng hóa trong tháng giảm.

- *Vận tải hành khách*: Số lượng hành khách vận chuyển tháng 02/2019 ước đạt 2,1 triệu lượt hành khách với khối lượng luân chuyển là 366,04 triệu lượt hành khách.km. So với tháng trước tăng 4,69% về lượt hành khách vận chuyển và tăng 4,7% về lượt hành khách.km luân chuyển. Tính chung 02 tháng đầu năm 2019 ước đạt 4,1 triệu lượt hành khách với khối lượng luân chuyển là 715,64 triệu lượt hành khách.km, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,92% về lượt hành khách vận chuyển và tăng 7,1% về lượt hành khách.km luân chuyển; doanh thu vận tải hành khách 02 tháng ước đạt 310,61 tỷ đồng, tăng 6,29% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả hoạt động vận tải hành khách tháng 02/2019 tăng so với tháng trước. Là tháng trùng vào dịp lễ Tết nên lượng khách đi lại luôn ở mức cao, tình trạng cháy vé các tuyến xe đường dài xảy ra thường xuyên, nhất là thời điểm trước ngày 15 tháng giêng âm lịch. Giá cước vận tải hành khách các tuyến ngoại tỉnh từ ngày 01/02 đến 24/02/2019 tăng cao. Tuyến Hà Tĩnh - Hà Nội có mức giá là 270 ngàn đồng (tăng 60 ngàn đồng); tuyến Hà Tĩnh - Thành phố Hồ Chí Minh có mức giá là 1,4 triệu đồng (tăng 800 ngàn đồng). Trong khi đó giá cước xe bus và xe taxi ổn định không thay đổi, nên lượng khách di chuyển nội tỉnh bằng các loại phương tiện này tăng mạnh. Nhìn chung, mặc dù nhu cầu đi lại của người dân tăng cao trong dịp Tết nhưng đã được các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn đáp ứng đầy đủ.

4.3. Chỉ số giá tiêu dùng



Thị trường hàng hóa bảo đảm nguồn hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán, các siêu thị lớn, doanh nghiệp trên địa bàn Hà Tĩnh đã có sự chuẩn bị về nguồn hàng cũng như đưa ra nhiều chương trình kích cầu, bình ổn giá... Các ngành chức năng đã tăng cường công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu, các dịch vụ công thông suốt để phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhân dân và doanh nghiệp. Nhìn chung, trong tháng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa trước, trong và sau Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 tăng so với tháng trước. Giá nhiên liệu, xăng dầu giảm theo tình hình chung thị trường thế giới. Giá lương thực và thực phẩm tăng mạnh do nhu cầu của người dân dịp lễ, tết tăng.

CPI tháng 02 năm 2019, tăng 0,76% so tháng trước, tăng 1,50% so cùng tháng năm trước và tăng 0,32% so với tháng 12 năm trước. So tháng trước khu vực thành thị tăng 0,74%; nông thôn tăng 0,78%. Như vậy, CPI tháng 02 tăng so với tháng trước nhưng với mức tăng không cao, đây là một tín hiệu tích cực trong công tác bình ổn thị trường trong dịp Tết vừa qua. Tính chung, chỉ số giá tiêu dùng 2 tháng đầu năm 2019 tăng 1,52% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực thành thị tăng 1,32%; nông thôn tăng 1,65%. Tháng 02/2019, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 2 nhóm hàng hóa có chỉ số giá ổn định so với tháng trước (nhóm thuốc và dịch vụ y tế; nhóm bưu chính viễn thông). Còn lại có 9 nhóm hàng hóa chỉ số giá tăng. Trong đó có 2 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng cao so với tháng trước và cũng là nguyên nhân chính tác động đến mức tăng chung chỉ số giá tháng 02/2019, đó là:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,67% so tháng trước, so cùng tháng năm trước tăng 3,56% và tăng 1,00% so với tháng 12 năm trước. Trong đó: Nhóm lương thực tăng 0,88% so với tháng trước, so với cùng tháng năm trước tăng 1,55%. Giá gạo đặc sản và gạo nếp tăng nhằm phục vụ nhu cầu thị trường tiêu dùng trong đợt Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, do lượng gạo, nếp tiêu thụ chủ yếu được nhập từ các tỉnh khác và các nước Lào, Thái Lan có chi phí vận tải cao hơn, ảnh hưởng đến giá thành. Giá gạo tăng cũng là nguyên nhân khiến các mặt hàng bánh phở, bún sợi và miến gạo tăng giá so tháng trước. Các mặt hàng thực phẩm tăng 2,37% so với tháng trước, so với cùng tháng năm trước tăng 5,04%. Trong đó thịt lợn tăng 2,76%, thịt bò tăng 6,62%, gà tăng 1,16%. Giá thịt tăng cùng nhu cầu tiêu dùng cũng ảnh hưởng đến nhóm thịt chế biến giò, chả tăng 1,39% so tháng trước. Nhìn chung thị trường giá cả hàng hóa trong những ngày Tết khá bình ổn, không có sự tăng giá đột biến, các mặt hàng như thịt bò, thịt lợn, gà, rau củ quả... chỉ tăng nhẹ. Từ ngày 25/12-05/01 (âm lịch) giá thịt bò tùy loại giao động từ 210 ngàn đồng - 270 ngàn đồng/kg (tăng từ 10 đến 30 ngàn

đồng/kg so với năm 2018), giò từ 150 ngàn đồng - 180 ngàn đồng/kg (tăng 15 ngàn đồng/kg so với năm 2018), thịt lợn tùy loại từ 87 ngàn đồng - 100 ngàn đồng/kg (tăng 5 ngàn đồng/kg so với năm 2018), thịt gà các loại dao động từ 80 ngàn đồng - 150 ngàn đồng/kg (giá ổn định so năm trước), gạo nếp, gạo tẻ, thực phẩm công nghiệp, dầu ăn, bánh kẹo, mứt, rượu, bia, thực phẩm tươi sống tăng không đáng kể. Riêng mặt hàng rau củ quả tăng so với ngày thường từ 5 - 15 ngàn đồng/kg.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,82% so với tháng trước, so với cùng tháng năm trước tăng 1,69%, tăng 2,04% so với tháng 12 năm trước. Tương tự các mặt hàng bánh kẹo, nhóm rượu, bia, nước ngọt và thuốc lá cũng tăng giá do nhu cầu tiêu dùng và làm quà biếu trong dịp lễ, tết, đi chùa, đền.

Chỉ số giá vàng tháng 02/2019 tăng 1,33% so tháng trước, so cùng tháng năm trước tăng 0,97% và tăng 2,76% so với tháng 12 năm trước. Giá vàng trong tháng 2 tiếp tục tăng. Nguyên nhân chủ yếu do tâm lý người dân có thói quen tích trữ vàng trong dịp Tết, phát là ngày vía Thần Tài theo quan niệm dân gian. Bình quân giá vàng trong tháng là 3.748.671 đồng/chi.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2019 giảm 0,99% so với tháng trước, so cùng tháng năm trước tăng 2,32% và giảm 0,62% so với tháng 12 năm trước. Giá USD bình quân thị trường Hà Tĩnh ngày 21/02/2019 mức giá bán ra 2.323 ngàn đồng/100USD.

Chỉ số giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ trong tháng 3/2019 dự kiến giảm. Xu hướng chung sau tháng Tết giá nhiều mặt hàng như thực phẩm, bánh kẹo, giao thông, phương tiện đi lại, hàng may mặc, đồ dùng gia đình giảm mạnh do nhu cầu tiêu dùng giảm. Trong khi đó, các mặt hàng gồm vật liệu xây dựng, văn hoá giải trí và du lịch tăng. Giá điện, nước sinh hoạt dự kiến tiếp tục tăng khi tình hình thời tiết chuyển mùa nắng nóng.

5. Một số vấn đề xã hội

5.1. Tình hình đời sống dân cư

- Tính đến ngày 15/02/2019, trên địa bàn Hà Tĩnh không xảy ra thiếu đói. Do thời tiết thuận lợi tạo điều kiện cho người dân sản xuất nông nghiệp và làm thêm các ngành nghề khác tăng thêm thu nhập. Công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh được triển khai kịp thời. Các cấp, các ngành làm tốt công tác huy động nguồn lực, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đảm bảo không để người dân nào thiếu đói trong dịp Tết. Dự kiến trong tháng tới tình hình thiếu đói vẫn không xảy ra.

- Các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Các huyện, thành phố, thị xã đã chi trả trợ cấp tháng 01, tháng 02/2019 cho trên 44.000 người có công, với kinh phí 150 tỷ đồng;

chi trả trợ cấp thường xuyên cho trên 69.000 đối tượng bảo trợ xã hội, với kinh phí 26 tỷ đồng.

Tính đến ngày 10/02/2019 (tức ngày 06 Tết), đã tổ chức thăm hỏi, tặng 207.177 suất quà với tổng kinh phí là 59,8 tỷ đồng, trong đó: Quà cho người có công 94.114 suất, kinh phí 21,354 tỷ đồng (quà Trung ương 54.169 suất, kinh phí 11,062 tỷ đồng; quà địa phương 39.945 suất, kinh phí 10,292 tỷ đồng); quà cho đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là 10.825 suất với kinh phí là 3,668 tỷ đồng; quà cho người nghèo 34.533 suất với kinh phí là 13,744 tỷ đồng; quà cho người cao tuổi 47.425 suất với kinh phí là 10 tỷ đồng; quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn 6.489 suất với kinh phí là 2,928 tỷ đồng; quà cho đối tượng khác 13.791 suất với kinh phí là 8,106 tỷ đồng.

- Lương, thưởng của công nhân, người lao động trong dịp Tết được thanh toán đầy đủ, không có doanh nghiệp nào nợ lương hay trả lương cho người lao động thấp hơn mức tiền lương tối thiểu vùng. Kết quả khảo sát tình hình tiền lương, tiền thưởng của người lao động dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 tại các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh như sau: Tiền lương bình quân của người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 5,56 triệu đồng/người/tháng, trong đó: Khối doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước là 7,761 triệu đồng/người/tháng (cao nhất là 27 triệu đồng/người/tháng; thấp nhất là 2,953 triệu đồng/người/tháng); khối công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước trên 51% là 8,689 triệu đồng/người/tháng (cao nhất là 29,622 triệu đồng/người/tháng; thấp nhất là 3,375 triệu đồng/người/tháng); khối doanh nghiệp FDI bình quân là 9,636 triệu đồng/người/tháng (cao nhất là 31,077 triệu đồng/người/tháng; thấp nhất là 3,431 triệu đồng/người/tháng); tiền lương bình quân của người lao động làm việc trong doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp thuộc các loại hình khác là 4,83 triệu đồng/người/tháng (cao nhất là 31,077 triệu đồng/người/tháng; thấp nhất là 2,85 triệu đồng/người/tháng). Tiền thưởng Tết Dương lịch cao nhất 17,531 triệu đồng, thấp nhất 50 ngàn đồng; tiền thưởng Tết Âm lịch cao nhất 67 triệu đồng, thấp nhất 200 ngàn đồng.

5.2. Hoạt động y tế

- *Tình hình dịch bệnh:* Để người dân được vui Tết đón Xuân trong điều kiện đảm bảo sức khỏe, ngành Y tế Hà Tĩnh đã chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn tăng cường công tác giám sát, phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm để có biện pháp theo dõi và xử lý dịch kịp thời; duy trì các đội cơ động chống dịch khẩn cấp; chuẩn bị đủ vật tư, hoá chất, trang thiết bị và kinh phí để xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra và cử cán bộ trực 24/24h trong các ngày nghỉ tết. Trong tháng 02/2019, toàn tỉnh có 73 người mắc bệnh tiêu chảy, 01 người mắc bệnh quai bị, 02 người mắc bệnh sốt xuất huyết, 20 người mắc bệnh thủy đậu, 31 người mắc bệnh sốt rét. Tất cả các trường hợp này đều là các ca mắc bệnh đơn lẻ, không tạo thành dịch và không có trường hợp nào tử vong.

- *Công tác phòng chống HIV/AIDS*: Nhằm hạn chế tỷ lệ lây nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư, ngành Y tế Hà Tĩnh tiếp tục đẩy mạnh phong trào phòng chống các bệnh tệ nạn xã hội, đặc biệt là công tác phòng chống HIV/AIDS, bằng cách tuyên truyền giúp người dân hiểu rõ sự nguy hiểm của bệnh và cách phòng tránh nhiễm bệnh. Trong tháng, Hà Tĩnh có 16 người nhiễm HIV (tăng 09 trường hợp so với cùng kỳ năm 2018), 15 người chuyển thành AIDS và không có trường hợp nào chết vì AIDS.

- *Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm*: Mỗi dịp Tết đến, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm lại tăng mạnh. Đây cũng là thời điểm mà hàng hóa, thực phẩm không rõ nguồn gốc, không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được tung ra thị trường. Do đó, ngoài việc tăng cường kiểm tra, các cơ quan chức năng đã tích cực tổ chức tuyên truyền giúp người dân nhận biết được hiện tượng mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong tháng trên địa bàn Hà Tĩnh có 124 ca ngộ độc thực phẩm đơn lẻ, tăng 21,57% so với cùng kỳ năm 2018. Không có trường hợp nào tử vong do ngộ độc thực phẩm.

- *Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân*: Các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh và bệnh viện đa khoa các huyện, thành phố, thị xã đều tổ chức thường trực cấp cứu 24/24 giờ; duy trì hoạt động khám, chữa bệnh, cấp cứu bình thường. Tổng số bệnh nhân còn lại đến ngày 09/02/2019 (tức ngày 05 Tết) tại bệnh viện các huyện, thành phố, thị xã và Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh là 1.866 bệnh nhân; tổng số lượt bệnh nhân khám và điều trị do va chạm giao thông, tai nạn giao thông là 578 bệnh nhân (trong đó: Mức độ nhẹ xử lý và cho về trong ngày là 237 bệnh nhân, phải nhập viện điều trị là 282 bệnh nhân, chuyển viện 59 bệnh nhân); tổng số bệnh nhân đến khám và điều trị do pháo, chất nổ khác là 15 bệnh nhân; tổng số bệnh nhân đến khám và điều trị do ngộ độc bia, rượu là 23 bệnh nhân.

5.3. Hoạt động văn hoá, thể thao

- *Hoạt động văn hóa*: Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức với nhiều loại hình phong phú, đa dạng, nội dung bổ ích, lành mạnh, cụ thể: Chào xuân Kỷ Hợi, Hà Tĩnh đã triển khai các cụm panô, áp phích, khẩu hiệu, tổ chức các hoạt động tuyên truyền với nội dung mừng Đảng, mừng Xuân trên địa bàn tất cả các huyện, thành phố, thị xã; Nhà hát Nghệ thuật truyền thống xây dựng chương trình văn nghệ phục vụ buổi gặp mặt kiều bào Hà Tĩnh về thăm quê hương nhân dịp Tết cổ truyền; Trung tâm Văn hóa Điện ảnh tỉnh đã tổ chức chương trình nghệ thuật “Mùa xuân dâng Đảng” biểu diễn tại 13 huyện, thị xã, thành phố, từ ngày 27/01/2019 đến ngày 08/02/2019. Đêm giao thừa Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm nay, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức 03 điểm bắn pháo hoa tầm thấp tại thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh.

Bên cạnh đó, các đơn vị: Bảo tàng tỉnh, Ban Quản lý Khu lưu niệm Nguyễn Du, Ban Quản lý Khu di tích cố Tổng Bí thư Trần Phú, Ban Quản lý Khu di tích cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập, Ban Quản lý Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc đều chuẩn bị tốt các điều kiện cho các đoàn dâng hương vào dịp đầu năm mới. Các cơ quan báo chí thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân; thông tin, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, của tỉnh; phản ánh đầy đủ, toàn diện không khí vui xuân, đón Tết của nhân dân trên địa bàn tỉnh; tổ chức Hội báo xuân, triển lãm Bản đồ và trưng bày tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tại Khu Tưởng niệm Anh hùng Liệt sỹ Lý Tự Trọng thu hút hàng ngàn lượt khách đến tham quan.

- *Công tác kiểm tra, thanh tra văn hóa*: Thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, du lịch trước trong và sau Tết cổ truyền dân tộc, trong đó tập trung kiểm tra chấn chỉnh công tác tổ chức lễ hội ở một số điểm văn hóa tâm linh.

- *Thể thao quần chúng*: Nhân dịp đón Xuân Kỷ Hợi, các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh đều tổ chức các hoạt động thể thao quần chúng sôi nổi như: Kéo co, bóng chuyền, bóng đá, thi đấu cờ tướng, đua thuyền...cụ thể: Hội đua thuyền truyền thống trên sông La được tổ chức tại huyện Đức Thọ, với 12 đội thuyền (2 đội thuyền nữ và 10 đội thuyền nam) tham gia; giải kéo co toàn huyện Vũ Quang, gồm có 39 đội kéo co với gần 400 vận động viên từ các địa phương, trường học tham gia; giải cờ thể mừng xuân Kỷ Hợi 2019 được tổ chức tại Công viên Lý Tự Trọng, thành phố Hà Tĩnh, Tham gia giải gồm có 14 kỳ thủ đến từ các phường, xã trên địa bàn. Giải góp phần tạo không khí sôi nổi, động viên nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, quyết tâm giành thắng lợi ngay từ những ngày đầu năm mới.

5.4. Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội

- *Về an toàn giao thông*: Với mục tiêu hạn chế tai nạn giao thông đường bộ, trong dịp Tết nguyên đán Kỷ Hợi, UBND tỉnh đã có công điện yêu cầu cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội mở đợt cao điểm tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ATGT đến cán bộ, hội viên, đoàn viên, thanh niên, học sinh, nhân dân, nhất là lứa tuổi thanh niên, học sinh đi học và làm ăn xa về quê ăn Tết; đặc biệt là việc chấp hành nghiêm chỉnh quy định đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng mô tô, xe gắn máy, nồng độ cồn khi điều khiển phương tiện.

Tính từ ngày 16/01/2019 đến ngày 15/02/2019, trên địa bàn Hà Tĩnh xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 13 người, bị thương 11 người (riêng dịp Tết xảy ra 4 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 2 người và bị

thương 5 người). So với tháng trước tăng 5 vụ, tăng 5 người chết và tăng 5 người bị thương; so với cùng kỳ năm trước giảm 2 vụ, giảm 5 người chết và tăng 6 người bị thương. Nguyên nhân chủ yếu là không làm chủ tốc độ, đi sai phần đường và lạng lách đánh võng.

Như vậy, tính từ 16/12/2018 đến 15/02/2019, Hà Tĩnh xảy ra 23 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 21 người và bị thương 17 người. So cùng kỳ năm 2018 giảm 3 vụ, giảm 8 người chết và tăng 9 người bị thương.

- *Về an ninh, chính trị*: Trong dịp Tết Nguyên đán, tính từ 02-10/02/2019 (tức từ ngày 28/12/2018-06/01/2019 âm lịch) xảy ra 10 vụ phạm pháp hình sự (giảm 2 vụ so với cùng kỳ năm 2018), làm bị thương 9 người; phát hiện và bắt giữ 1 vụ, 1 đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy; phát hiện và bắt giữ 2 vụ, 8 đối tượng đánh bạc. Phát hiện 271 vụ, 261 đối tượng tàng trữ, sử dụng pháo trái phép, thu giữ 33kg pháo các loại; riêng trong đêm giao thừa phát hiện, bắt giữ 238 vụ, 221 đối tượng tàng trữ, sử dụng trái phép pháo (tăng 114 vụ so với Tết năm 2018).

5.5. Môi trường

- *Tình hình cháy nổ*: Trong tháng trên địa bàn Hà Tĩnh đã xảy ra 12 vụ cháy (riêng dịp Tết xảy ra 5 vụ cháy), với nguyên nhân hầu hết do bất cẩn trong sử dụng lửa. Đồng thời, xảy ra 1 vụ nổ do sử dụng pháo tự chế, làm chết 1 người và bị thương 4 em học sinh. Tổng thiệt hại ước tính 768 triệu đồng.

- *Về vi phạm môi trường*: Với mục tiêu cùng chung tay bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan liên ngành tăng cường kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường, trong tháng phát hiện 11 vụ vi phạm môi trường, xử lý 9 vụ với số tiền 13 triệu đồng.

Trên đây là một số tình hình kinh tế - xã hội tháng 02 năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng Hợp (TCTK);
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Tỉnh ủy;
- HĐND, UBND Tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở KH và ĐT;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Đảng Ủy khối CCQ&DN tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu TH.





Sản xuất nông nghiệp Vụ Xuân đến ngày 15 tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)			
Lúa			
Lúa Đông Xuân	59.143	58.947	99,67
Các loại cây khác (Ha)			
Ngô	1.895	2.655	140,10
Khoai lang	395	330	83,54
Lạc	2.830	6.599	233,18
Rau các loại	1.639	2.430	148,26

Chỉ số sản xuất công nghiệp

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	<i>Đơn vị tính: %</i>			
	Tháng 01 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 01 năm 2019	Tháng 02 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	141,49	88,43	151,93	146,20
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>				
Khai khoáng	118,55	62,13	157,24	130,89
Khai thác quặng kim loại	22,37	80,82	49,75	29,67
Khai khoáng khác	148,63	61,25	181,61	159,64
Công nghiệp chế biến, chế tạo	152,02	86,38	163,75	157,24
Sản xuất chế biến thực phẩm	119,06	76,75	99,34	109,61
Sản xuất đồ uống	106,18	74,98	107,41	106,70
Dệt	113,31	73,08	97,52	106,06
Sản xuất trang phục	124,98	66,43	114,65	120,64
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	58,33	106,19	96,35	73,21
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	67,20	52,44	49,74	59,96
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	92,52	90,34	89,47	91,05
In, sao chép bản ghi các loại	79,44	92,25	115,96	93,58
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	176,91	90,27	174,01	175,52
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	44,63	70,86	156,22	63,42
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	68,78	111,11	109,53	85,53
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	50,75	76,87	70,97	57,92
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	71,06	57,89	63,09	67,91
Sản xuất kim loại	161,29	88,00	180,16	169,60

	Tháng 01 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 01 năm 2019	Tháng 02 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	149,46	70,71	101,07	124,73
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu	249,34	105,94	426,72	317,16
Sản xuất phương tiện vận tải khác	10,32	89,40	10,90	10,59
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	111,94	53,95	100,65	107,71
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	104,35	88,17	100,50	102,51
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	104,25	100,31	114,49	109,14
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	104,25	100,31	114,49	109,14
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	153,08	92,86	149,92	151,54
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	179,32	92,57	185,01	182,01
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	110,82	93,61	100,70	105,68

Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Đơn vị	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	Tháng 02	Cộng dồn
	tính	tháng 01	tháng 02	từ đầu năm	năm 2019	từ đầu năm
		năm	năm	đến cuối kỳ	so với cùng	đến cuối kỳ
		2018	2019	báo cáo	kỳ năm	báo cáo so
					trước (%)	với cùng kỳ
						năm trước
						(%)
Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	100	90	190	38,14	80,51
Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	68	54	122	52,53	26,91
Đá xây dựng khác	1000 M3	104	64	167	182,51	161,42
Mực đông lạnh	Tấn	49	19	67	71,15	117,89
Chè (trà) nguyên chất (như: chè (trà) xanh, chè (trà) đen)	Tấn	0	3	3	-	54,25
Thức ăn cho gia súc	Tấn	1.621	1.133	2.754	131,06	163,68
Bia đóng lon	1000 lít	5.468	4.112	9.580	115,25	110,39
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ	Tấn	785	573	1.358	130,52	139,10
Vỏ bào, dăm gỗ	1000 Tấn	24	9	34	31,67	47,48
Than cốc và bán cốc luyện từ than non hay than bùn	1000 tấn	276	249	526	174,00	175,52
Dịch vụ sản xuất dược phẩm	Triệu đồng	13.615	15.127	28.742	109,53	86,98
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	6.227	3.450	9.677	51,54	60,16
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	2.986	1.110	4.096	17,17	25,64
Thép không gỉ ở dạng bán thành phẩm	1000 Tấn	415	365	780	180,17	169,61
Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chuyên dụng khác	Triệu đồng	5.326	4.329	9.656	86,85	93,83
Điện sản xuất	Triệu KWh	764	766	1.530	114,79	109,28
Điện thương phẩm	Triệu KWh	69	70	139	107,29	107,43
Nước uống được	1000 m3	1.551	1.070	2.621	69,00	91,95
Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	5.252	4.916	10.168	100,70	105,68

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Kế hoạch năm 2019 (Tỷ đồng)	Thực hiện tháng 01/2019 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 02/2019 (Tỷ đồng)	Cộng dồn thực hiện đến cuối kỳ báo cáo (Tỷ đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.582,06	224,28	163,33	387,60	95,12	104,69
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	2.452,24	139,55	111,73	251,28	105,79	109,12
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	1.021,67	57,26	44,84	102,10	83,36	90,68
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	740,86	73,62	60,39	134,01	193,38	191,63
Vốn nước ngoài (ODA)	421,40	8,68	6,50	15,18	31,56	31,78
Xổ số kiến thiết	14,00	-	-	-	-	-
Vốn khác	254,31	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	759,32	56,30	34,93	91,23	85,59	106,45
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	759,32	56,30	34,93	91,23	85,59	106,45
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	370,50	28,43	16,66	45,09	65,93	83,10
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	370,50	28,43	16,66	45,09	65,93	83,10
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

Doanh thu bán lẻ hàng hoá

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Thực hiện tháng 01 năm 2019 (Tỷ đồng)	Ước tính Tháng 02 năm 2019 (Tỷ đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2019 (Tỷ đồng)	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 02 năm 2018 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	3.546,41	3.448,70	6.995,11	119,33	119,36
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	162,61	164,74	327,35	110,23	106,80
Ngoài Nhà nước	3.383,78	3.283,94	6.667,72	119,90	120,13
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,02	0,02	0,04	1,08	1,14
Phân theo nhóm hàng					
Lương thực, thực phẩm	1.317,77	1.370,64	2.688,41	113,73	114,72
Hàng may mặc	208,68	187,47	396,15	94,57	107,14
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	450,56	458,36	908,92	138,44	120,06
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	50,33	46,68	97,01	166,65	182,84
Gỗ và vật liệu xây dựng	222,64	201,37	424,01	142,24	137,53
Ô tô các loại	290,96	227,87	518,83	174,57	189,46
Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng)	270,73	241,30	512,03	125,36	121,80
Xăng, dầu các loại	315,87	321,45	637,32	119,91	120,32
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	57,49	57,82	115,30	95,48	108,66
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	53,26	57,30	110,57	111,98	109,20
Hàng hóa khác	245,75	222,60	468,35	96,54	94,52
Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	62,35	55,84	118,20	105,99	115,95

Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Thực hiện tháng 01 năm 2019 (Tỷ đồng)	Ước tính Tháng 02 năm 2019 (Tỷ đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02 năm 2019 (Tỷ đồng)	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 02 năm 2018 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	400,10	408,44	808,54	117,84	117,66
Dịch vụ lưu trú	26,57	26,76	53,32	109,48	109,47
Dịch vụ ăn uống	373,53	381,68	755,21	118,47	118,28
Du lịch lữ hành	2,01	2,04	4,05	133,12	134,13
Dịch vụ tiêu dùng khác	115,94	119,44	235,38	106,09	105,62

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

Đơn vị tính: %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:				Chỉ số giá bình quân kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2014	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	111,58	101,50	100,32	100,76	101,52
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	109,31	103,56	101,00	101,67	103,60
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	103,75	101,55	101,16	100,88	101,94
Thực phẩm	109,50	105,04	101,23	102,37	104,98
Ăn uống ngoài gia đình	112,19	100,62	100,25	100,14	100,71
Đồ uống và thuốc lá	112,57	101,69	102,04	101,82	101,41
May mặc, giày dép và mũ nón	114,11	103,19	102,12	100,71	102,97
Nhà ở và vật liệu xây dựng	103,40	99,88	100,00	100,27	99,61
Thiết bị và đồ dùng gia đình	110,45	101,07	100,94	100,35	101,13
Thuốc và dịch vụ y tế	210,43	111,53	100,00	100,00	111,53
Giao thông	86,39	95,88	97,33	100,17	96,47
Bưu chính viễn thông	97,99	98,94	99,80	100,00	98,95
Giáo dục	146,30	100,48	100,03	100,03	100,46
Văn hoá, giải trí và du lịch	116,64	96,98	100,58	100,46	96,83
Hàng hóa và dịch vụ khác	119,67	101,94	100,34	100,06	101,93
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	111,32	100,97	102,76	101,33	100,89
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	109,32	102,32	99,38	99,01	102,34

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Thực hiện tháng 01 năm 2019 (Tỷ đồng)	Ước tính Tháng 02 năm 2019 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 02 tháng năm 2019 (Tỷ đồng)	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 02 năm 2018 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Tổng số	474,22	444,75	918,97	105,85	106,24
Vận tải hành khách	151,65	158,96	310,61	105,72	106,29
Đường bộ	151,61	158,86	310,47	105,88	106,42
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	0,04	0,10	0,14	30,71	29,48
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	264,04	229,13	493,17	108,84	109,14
Đường bộ	262,90	228,12	491,02	109,13	109,49
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	1,14	1,01	2,15	67,37	63,06
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	58,53	56,66	115,19	95,58	95,28
Đường bộ	22,27	21,59	43,86	116,43	112,26
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	36,26	35,07	71,33	86,09	87,17
Đường hàng không	-	-	-	-	-

Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Ước tính tháng 02 năm 2019	Cộng dồn 02 tháng năm 2019	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 01 năm 2019 (%)	Tháng 02 năm 2019 so với tháng 02 năm 2018 (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	2.095,51	4.097,15	104,69	101,24	100,92
Đường bộ	2.076,81	4.071,55	104,11	102,03	101,60
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	18,70	25,60	271,01	54,41	48,90
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Triệu HK.km)	366,04	715,64	104,70	107,14	107,10
Đường bộ	366,01	715,60	104,70	107,16	107,11
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	0,03	0,04	269,47	29,94	28,57
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	2.830,30	6.260,78	82,50	109,30	112,07
Đường bộ	2.807,60	6.207,98	82,57	109,76	113,21
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	22,70	52,80	75,42	72,39	51,18
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Vận chuyển (Triệu tấn.km)	67,77	161,14	72,59	110,22	117,69
Đường bộ	67,66	160,55	72,84	112,88	120,64
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	0,11	0,59	23,84	7,49	15,50
Hàng không	-	-	-	-	-

Trật tự, an toàn xã hội

Tháng 02 năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số 42/CTK-TH ngày 25/02/2019)

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông				
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	14	23	87,50	88,46
Đường bộ	14	23	87,50	88,46
Đường sắt	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-
Số người chết (Người)	13	21	72,22	72,41
Đường bộ	13	21	72,22	72,41
Đường sắt	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	11	17	220,00	212,50
Đường bộ	11	17	220,00	212,50
Đường sắt	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-
Cháy, nổ				
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	13	14	185,71	60,87
Số người chết (Người)	1	1	-	-
Số người bị thương (Người)	4	4	80,00	80,00
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	768,0	768,0	101,05	50,78

